

Số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 18-4-2019
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương.
2. Bà Phan Thị Ngọc Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST-DSST ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “kiện đòi tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H (có mặt)

Địa chỉ: tổ 6, ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Trần Xuân Đ (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3. *Người làm chứng:* Bà Vũ Thị C (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 7 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Võ Thị H trình bày:

Ngày 10 tháng 4 năm 2012, bà Võ Thị H cho ông Trần Xuân Đ vay số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), khi vay có làm giấy vay tiền đề cùng ngày do ông Đ viết và ký tên. Thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là 01 tháng tính từ ngày vay. Lãi suất không thỏa thuận. Đến hạn ông Đ không trả nợ, mặc dù bà H đã đòi nhiều lần nhưng đến nay ông Đ vẫn chưa trả số tiền vay nên bà H khởi kiện yêu

cầu ông Đ trả số tiền 40.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày vay đến khi giải quyết vụ án với mức lãi suất 1%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền gốc là 40.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên Tòa bà H khai ông Đ đã trả tiền gốc cho bà được 02 lần với tổng số tiền là 4.000.000đ nên bà xác định chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền 36.000.000đ còn lại. Về tiền lãi bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2018 ông Trần Xuân Đ trình bày:

Ông Đ không biết bà Võ Thị H là ai, do đó không có sự việc ông Đ vay tiền của bà H. Đối với giấy ghi ngày 10/4/2012 chữ viết và chữ ký không phải của ông Đ vì ông Đ không biết chữ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì ông Đ không đồng ý. Ông Đ xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H, buộc ông Trần Xuân Đ trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc là 36.000.000đ

Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H yêu cầu ông Đ trả số tiền 36.000.000đ đã cho ông Đ vay ngày 10/4/2012. Qua xem xét giấy có nội dung vay mượn tiền giữa các bên đề ngày 10/4/2012 thì không thể hiện thời hạn vay, tuy nhiên bà H xác định khi cho vay các bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 10/4/2012. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không thừa nhận nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Như vậy, từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày bà H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án (ngày 14/6/2018) đã quá 03 năm là đã hết thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Nay bà Hiệp xác định chỉ đòi lại số tiền gốc đã cho ông Đ vay nên xác định tranh chấp

giữa các đương sự trong trường hợp này là tranh chấp kiện đòi tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp 4, xã Lộc An, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Trần Xuân Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với yêu cầu của bà Võ Thị H yêu cầu ông Trần Xuân Đ trả số tiền nợ gốc là 36.000.000đ, hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà H cho rằng vào ngày 10 tháng 4 năm 2012, bà H cho ông Trần Xuân Đ vay số tiền 40.000.000đ, khi vay có lập giấy đề cùng ngày do ông Đ viết và ký tên. Tại phiên tòa hôm nay ông Đ vắng mặt, tuy nhiên tại các biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2018 và ngày 09/10/2018 ông Đ không thừa nhận có nợ tiền của bà H, ông Đ cho rằng giấy ghi ngày 10/4/2012 không phải do ông ghi và ký tên vì ông không biết chữ. Quá trình giải quyết vụ án bà H có đơn yêu cầu Tòa án thu thập hồ sơ vay tiền của ông Đ tại Ngân hàng nông ngH phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Ngày 12/10/2018 bà H có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết tên của ông Đ tại giấy vay ngày 10/4/2012 so với hồ sơ vay tiền của ông Đ tại ngân hàng do Tòa án thu thập được để chứng minh chữ ký và viết tên tại giấy vay ngày 10/4/2012 là do ông Đ ký và viết. Tại kết luận giám định số 606/C09B ngày 16/01/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký và chữ viết tên Xuân Đ tại giấy do bà H cung cấp và chữ ký, chữ viết tên Xuân Đ tại mẫu so sánh là hồ sơ vay tiền của ông Đ tại ngân hàng nông ngH phát triển nông thôn Việt Nam là cùng một người ký ra. Do đó, có căn cứ cho rằng giấy có nội dung vay tiền ghi ngày 10/4/2012 là do ông Trần Xuân Đ ký và viết tên.

Xét nội dung giấy đề ngày 10/4/2012 thể hiện ông Đ “có mượn của chị T số tiền 40.000.000đ”. Tại đơn xác nhận ghi ngày 19/6/2018 của công an xã L đã xác nhận bà Võ Thị H có tên thường gọi là chị T. Đồng thời theo lời khai của người làm chứng bà Võ Thị C là vợ của ông Đ, bà C khai có thấy bà H đến nhà yêu cầu ông Đ trả tiền. Nên khẳng định có sự việc ông Đ vay của bà H số tiền 40.000.000đ.

[2] Về số tiền gốc đã trả thì tại phiên tòa, bà H thừa nhận ông Đ có trả tiền gốc cho bà 02 lần với tổng số tiền là 4.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án ông Đ không cung cấp tài liệu chứng cứ chính minh việc đã trả nợ nên xét yêu cầu của bà H về việc yêu cầu ông Đ trả số tiền 36.000.000đ còn lại là có căn cứ chấp nhận

[3] Đối với việc trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”.

Do yêu cầu của bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Đ phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án. Tương ứng với số tiền: 36.000.000đ x 5% = 1.800.000đ.

Bà Võ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Chi phí tố tụng khác:

Chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo phiếu thu số 155 ngày 18/02/2019 và chi phí đi giám định là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Do kết quả giám định của bà H chứng minh yêu cầu của bà là có căn cứ nên ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí giám định theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Số tiền trên bà H đã nộp tạm ứng nên cần buộc ông Đ phải hoàn lại cho bà H số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)

- Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 429, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 163, 164, 256, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H.

Buộc ông Trần Xuân Đ trả cho bà Võ Thị H số tiền nợ gốc 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

2. Án phí.

Buộc ông Trần Xuân Đ phải chịu 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho bà Võ Thị H số tiền 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006005 ngày 16 tháng 7 năm 2018.

3. Chi phí tố tụng khác.

Buộc ông Trần Xuân Đ phải chịu chi phí giám định với số tiền 3.000.000đ. Chi phí trên bà H đã nộp tạm ứng nên buộc ông Trần Xuân Đ phải hoàn lại cho bà H số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Bà Võ Thị H không phải chịu chi phí giám định.

4. Về nghĩa vụ chậm chi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Khánh Duyên

